

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2017

V/v Yêu cầu không công nhận là vợ chồng
và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng
2. Ông Nông Hữu Dân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hoàn Chính – C/vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2017 về việc “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Dương Thị T _ Sinh năm: 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường N, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn H _ Sinh năm: 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Liên gia A, tổ dân phố C, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Văn H bắt đầu chung sống với nhau từ tháng 8/1987 cho đến nay nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, chúng tôi thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhiều, bản thân ông H nhiều lần đánh đập tôi và không chung thủy trong đời sống chung. Sự việc kéo dài nhiều năm liền cho đến tháng 5/2016 tôi và ông H không còn chung sống với nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm giữa tôi và ông H đã không còn, không thể tiếp tục đời sống chung và tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa tôi và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

Về con chung: chúng tôi đã có 04 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H – sinh năm: 1988, Nguyễn Văn H1 – sinh năm: 1990, Nguyễn Văn H2 – sinh năm: 1995, Nguyễn H Hà N – sinh ngày: 02/8/2000. Đối với cháu Nguyễn H Hà Nhi chưa thành niên, tôi xin được nuôi dưỡng trực tiếp cháu và không yêu cầu cấp dưỡng. Các con chung khác đã thành niên nên tôi không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.***

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:***

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Giữa bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ tháng 8/2017 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị HĐXX.

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T. Tuyên bố quan hệ giữa bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn H không phải là vợ chồng.

Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn H Hà N – sinh ngày 02/8/2000 cho bà Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng và tài sản chung: Không đặt ra yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng và tranh chấp về nuôi con”, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn

Ma Thuột theo quy định tại khoản 7 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để xác định: Quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn H là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Bà T và ông H chung sống với nhau từ tháng 8/1987, ông bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật trong thời hạn pháp luật cho phép. Nay, bà T có đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng. Do vậy, tuyên bố bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn H không phải là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 .

- *Về con chung*: Quá trình chung sống bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn H có 04 con chung là: Nguyễn Thị Ngọc H - sinh năm 1988, Nguyễn Văn H1 - sinh năm 1990, Nguyễn Văn H2 - Sinh năm 1995 và Nguyễn H Hà N – sinh ngày: 02/8/2000. Các con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H2 đều đã thành niên nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn H Hà N, xét nguyện vọng của cháu là xin được ở với bà Dương Thị T, bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn H Hà N cho bà T nuôi dưỡng trực tiếp là phù hợp.

-*Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Dương Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0041649 ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 .*

- *Áp dụng : điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 / 6 /2000 của Quốc hội.*

- *Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị T

Tuyên bố không công nhận bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

- *Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn H Hà N – sinh ngày: 02/8/2000 cho bà Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung: các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

Ông Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Nguyên đơn bà Dương Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0041649 ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKS Thành phố B,ỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án DS Thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS

Nguyễn Thị Hải An